

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1665/2020/HC-ST
Ngày: 25/9/2020
Về việc khiếu kiện quyết định hành
chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thanh Minh
2. Ông Nguyễn Văn Long

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/8; ngày 22 và 25/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/TLST- HC ngày 28 tháng 11 năm 2016 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4100/2020/QĐHC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: 1/ Ông Vũ Văn A, sinh năm 1953

2/ Bà Trần Thị B, sinh năm 1956

Địa chỉ: 37 L, phường P, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Phan Thị Việt T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: 37 L, phường P, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: 1/ Chi cục thuế quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chi cục trưởng Chi cục thuế quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 14 N, Phường 14, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của Chi cục thuế quận C và Chi cục trưởng Chi cục thuế quận C: Ông Huỳnh Công K – Phó chi Cục trưởng Chi cục thuế quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3/ Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 63 Vũ Tông Phan, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày: Ông Vũ Văn A, bà Trần Thị B nộp hồ sơ hợp thức hóa căn nhà số 37A L phường P, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và đã nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận C số 1377-11/PC-VPĐK ngày 07/9/2011 gửi Chi cục thuế quận C với “căn cứ tính thuế” theo Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai.

Ngày 02/3/2012, ông A nhận được Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB đề ngày 29/02/2012 của Chi cục thuế quận C thông báo ông A, bà B phải nộp 100% tiền sử dụng đất là 637.200.000 đồng theo Thông tư 93/2011/TT-BTC của Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất (gọi tắt là Thông tư 93/2011/TT-BTC). Ngày 13/10/2012, Chi cục trưởng Chi cục thuế quận C ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB thay thế Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB ngày 29/02/2012, điều chỉnh giảm số tiền thuế sử dụng đất xuống 477.900.000 đồng, thông báo này cũng căn cứ vào Thông tư 93/2011/TT-BTC; trong khi, Thông tư 93/2011/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 15/8/2011 mà ông A đã nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận và bổ túc hồ sơ hợp lệ đầy đủ ngày 11/8/2011 trước khi thông tư có hiệu lực thi hành, tức là trường hợp của ông A, bà B không thuộc trường hợp áp dụng Thông tư 93/2011/TT-BTC phải nộp tiền sử dụng đất cho căn nhà thứ hai.

Sau đó, ông A, bà B khiếu nại; ngày 24/7/2012, Chi cục thuế quận C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2837/QĐ-CCT-KTNB ngày 24/7/2012

về việc giải quyết khiếu nại ông A, bà B (Quyết định số 2837/QĐ-CCT-KTNB) có nội dung không công nhận nội dung khiếu nại.

Ông A, bà B tiếp tục khiếu nại lên Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 18/9/2012, Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 161/QĐ-CT-KTNB về việc giải quyết khiếu nại ông A, bà B (gọi tắt Quyết định số 161/QĐ-CT-KTNB) có nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 2837/QĐ-CCT-KTNB.

Nay, ông A, bà B khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB ngày 29/02/2012 và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB ngày 10/6/2013 đối với căn nhà số 37A đường L, phường P, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2837/QĐ-CCT-KTNB của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận C; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 161/QĐ-CT-KTNB của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện trình bày: Ngày 16/9/2011, ông Vũ Văn A, bà Trần Thị B nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính tại Chi cục thuế quận C cho căn nhà số 37A đường Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Phiếu chuyển Thông tin địa chính số 1377-11/PC-VPĐK ngày 07/9/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận C có nội dung như sau: “Nguồn gốc nhà đất: Do ông Võ Văn B bán lại cho ông Vũ Văn A bằng giấy tay ngày 12/12/1986, ông A tự xây nhà năm 1987, kê khai nhà đất năm 1999 với diện tích 85m², Ủy ban nhân dân phường xác nhận nhà đất sử dụng từ năm 1982”.

Ông A, bà B đề nghị cấp theo bản vẽ hiện trạng với DTKV= 57,5m², DSD= 37,2m². Ông A tường trình: Nguồn gốc đất thuộc một phần ao rau muống do ông Ba sang nhượng lại năm 1986 bằng hợp đồng do hai bên tự thỏa thuận với nhau (một phần đất ao rau muống này ông A đã nhập chung với phần diện tích do trường Trần Phú cấp và Ủy ban nhân dân quận C đã cấp Giấy chứng nhận số 369/2004 ngày 01/3/2004 đối với căn nhà 28 Phạm Văn cho ông A. Qua kiểm tra dữ liệu hồ sơ lưu và bản đồ cập nhật biến động: Căn nhà số 37 đường Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận C được cấp Giấy chứng nhận cho ông A, bà B số 4571/2007/UB.GCN ngày 03/4/2007, gồm một phần đất mua nhà hóa giá và một phần diện tích từ Giấy chứng nhận số 369/2004. Nay ông A, bà B đề nghị

cấp đổi với phần diện tích còn lại mua theo giấy tay năm 1986 và Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ Hòa đề xuất số nhà là 37A Lê Thúc Hoạch.

Chi cục thuế quận C ra Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB ngày 29/02/2012 và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB ngày 10/6/2013 đối với căn nhà số 37A đường Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận C đã căn cứ vào Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất (Nghị định số 120/2010/NĐ-CP); điểm 1.5.2 Điều 1 của Thông tư số 93/2011/TT-BTC và áp dụng hệ số theo Quyết định số 64/2011/QĐ-UBND ngày 15/10/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố, số tiền sử dụng ông A, bà B phải nộp là 637.200.000 đồng nhưng sau đó có hướng dẫn mới nên được tính lại theo Thông báo ngày 10/6/2013 là 477.900.000 đồng.

Trước đây, ông A, bà B đã được cấp giấy chứng nhận cho thửa đất đầu tiên là căn nhà số 28 đường Phạm Văn, do đó căn nhà số 37A đường Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận C là căn nhà thứ hai được cấp giấy chứng nhận nên Chi cục thuế quận C đã áp dụng hệ số điều chỉnh để tính thu tiền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật.

Do vậy, Chi cục thuế quận C ban hành Thông báo số 8054-11/TB nộp tiền sử dụng đất và Chi cục trưởng Chi cục thuế quận C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2837/QĐ-CCT-KTNB ngày 24/7/2012 về việc giải quyết khiếu nại ông A, bà B là đúng nên đề nghị giữ nguyên các quyết định trên.

Người bị kiện - Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin vắng mặt và không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị Việt T đại diện cho người khởi kiện trình bày: Do Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB ngày 29/2/2012 đã được thay thế bằng Thông báo số 8054-11/TB ngày 10/6/2013 nên bà rút lại toàn bộ yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB ngày 29/02/2012 của Chi cục thuế quận C và rút lại yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2837/QĐ-CCT-KTNB của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận C và Quyết định giải quyết khiếu nại số 161/QĐ-CT-KTNB của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB ngày 10/6/2013 của Chi cục thuế quận C vì theo phiếu chuyển Thông tin của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận C thì nhà số 37A đường Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận C của ông A được cấp giấy chứng nhận theo Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 mà trường hợp này thì ông A, bà B không phải nộp tiền sử dụng đất. Việc Cục thuế quận C căn cứ vào Thông tư 93/2011/TT-BTC để tính thuế 100% ông A, bà B nhưng thông tư này có hiệu lực sau khi ông A, bà B nộp xong hồ sơ hợp lệ xin cấp giấy chứng nhận là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông A, bà B.

Người bị kiện vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Quá trình tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện người khởi kiện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054/TB ngày 29/2/2012 và hai Quyết định giải quyết khiếu nại số 2837/QĐ-CCT-KTNB của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận C; Quyết định giải quyết khiếu nại số 161/QĐ-CT-KTNB của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của người khởi kiện.

Đối với yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054/TB ngày 10/6/2012, nhận thấy theo Công văn số 14693/BTC-QLCS của Bộ tài chính ngày 03/12/2010, Nghị định 84/2004 ngày 25/5/2007 của Chính Phủ về thu tiền sử dụng đất và Thông tư số 93/2011/TT-BTC thì việc Chi cục thuế quận C ban hành Thông báo trên buộc ông A, bà B phải nộp số tiền 477.900.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đối tượng khởi kiện: Ông A, bà B khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế quận C và các quyết định giải quyết khiếu nại liên quan nên thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo qui định

tại Khoản 1 Điều 28 Luật tổ tụng hành chính năm 2010 và Khoản 1 điều 1 Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Ông A, bà B khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo nộp thuế trong lĩnh vực thuế đồng thời còn khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Luật tổ tụng hành chính năm 2010.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Người khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054/TB và các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan trong thời hạn một năm kể từ khi nhận được quyết định nên còn thời hiệu khởi kiện theo qui định tại Điều 104 của Luật tổ tụng hành chính năm 2010.

[4] Người bị kiện có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt là phù hợp với quy định của Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[5] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chi Cục thuế quận C ban hành thông báo nộp thuế tiền sử dụng đất và Cục trưởng cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục trưởng Chi cục thuế quận C ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền theo quy định của Quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục Trưởng tổng cục thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục thuế trực thuộc Cục thuế và Luật khiếu nại năm 2011.

[6] Tại phiên tòa, đại diện người khởi kiện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054/TB ngày 29/2/2012 và hai Quyết định giải quyết khiếu nại số 2837/QĐ-CCT-KTNB của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận C; Quyết định giải quyết khiếu nại số 161/QĐ-CT-KTNB của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của người khởi kiện.

[7] Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054/TB ngày 10/6/2012, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo xác nhận của đại diện người khởi kiện và trình bày của Chi cục thuế quận C thì nguồn gốc đất nhà số 37A đường Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận C thuộc một phần ao rau muống do ông Ba sang nhượng lại năm 1986 bằng giấy

tay cho ông A (một phần đất ao rau muống này ông A đã nhập chung với phần diện tích do trường Trần Phú cấp và Ủy ban nhân dân quận C cấp Giấy chứng nhận số 369/2004 ngày 01/3/2004 đối với căn nhà 28 Phạm Văn cho ông A. Ông A còn được cấp căn nhà số 37 đường Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận C theo Giấy chứng nhận số 4571/2007/UB.GCN ngày 03/4/2007, gồm một phần đất mua nhà hóa giá và một phần diện tích từ Giấy chứng nhận số 369/2004. Bà Thu trình bày, khi cấp giấy chứng nhận nhà đất số 28 Phạm Văn ông A, bà B không phải nộp tiền sử dụng đất. Căn nhà 37A đường Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận C là lần thứ 2 ông A, bà B được cấp giấy chứng nhận và có vị trí thuộc thửa 507 khác thửa nhà số 28 Phạm Văn.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 14693/BTC-QLCS về việc thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân của Bộ Tài chính ngày 03/12/2010 trả lời cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về thu tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Khoản 4 Điều 50 như sau: Khi cấp lần 2 thì diện tích trong hạn mức cũng phải nộp 100% và điều này phù hợp với Khoản 1 Điều 14 Nghị định 84.

Như vậy, ông A và bà B khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với căn nhà số 37A đường Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận C phải đóng tiền sử dụng đất 100% là có căn cứ.

Đại diện người khởi kiện cho rằng Thông tư 93/TT-BTC mới qui định việc nộp tiền sử dụng đất cho căn nhà thứ 2 trong khi ông A, bà B đã nộp hồ sơ hợp lệ trước khi thông tư có hiệu lực là không đúng vì mặc dù ông A, bà B nộp hồ sơ hợp lệ ngày 11/8/2011 trước khi Thông tư 93/TT-BTC có hiệu lực nhưng tại thời điểm Chi cục thuế ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 10/6/2013 thì Thông tư này đã có hiệu lực thi hành. Tại Khoản 2 Điều 9 của thông tư quy định về tổ chức thực hiện: “các trường hợp phát sinh kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2011 thì áp dụng theo Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 và hướng dẫn tại thông tư này” nên Chi cục thuế áp dụng Thông tư 93/TT-BTC khi ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054/TB là không sai và Thông tư 93/TT-BTC quy định về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và nội dung tại

Khoản 1.5.2 Điều 1 của Thông tư 93/TT-BTC này không trái với quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định 84/2004 ngày 25/5/2007 nên không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông A, bà B. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông A, bà B là người cao tuổi nên không phải nộp án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho người khởi kiện.

Vì những lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 30, Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010;

Áp dụng Điều 158, điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Áp dụng Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ về thu tiền sử dụng đất;

Áp dụng Nghị định 84/2004 ngày 25/5/2007 của Chính Phủ về thu tiền sử dụng đất;

Áp dụng Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Nghị định 120/NĐ-CP của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2010 của Chính Phủ về thu tiền sử dụng đất;

Áp dụng Thông tư 93/TT-BTC về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn A và bà Trần Thị B yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054-11/TB ngày 29/02/2012 của Chi cục thuế quận C; Quyết định giải quyết khiếu nại số 2837/QĐ-CCT-KNNB ngày 24/7/2012 của Chi Cục trưởng Chi cục thuế quận C và Quyết định giải quyết

khieu nại số 161/QĐ-CT ngày 18/9/2012 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn A, bà Trần Thị B yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8054- 11/TB ngày 10/6/2013 của Chi cục thuế quận C.

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Vũ Văn A, bà Trần Thị B không phải nộp. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 200.000đ ông Vũ Văn A, bà Trần Thị B theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AH/2011/06912 ngày 31/5/2013 của Chi Cục thi hành án dân sự quận C.

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Văn A, bà Trần Thị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chi cục thuế quận C, Chi cục trưởng Chi cục thuế quận C, Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc